

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHA TRANG SEAFOODS – F17

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 – 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 – 7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 – 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2014	13 – 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014	15 – 42
8. Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	43

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang thành Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 theo Quyết định số 1875/QĐ-UB ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2004, Điều lệ sửa đổi đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4200567428 ngày 01 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp (sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000107 lần đầu vào ngày 06 tháng 8 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp).

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng doanh nghiệp thay đổi về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty là 188.000.000.000 VND.

Vốn pháp định theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty là 6.000.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Điện thoại : (058) 3 831 043
Fax : (058) 3 831 034
E-mail : ntsf@dng.vnn.vn
Website : www.nhatrangseafoods.com
Mã số thuế : 4 2 0 0 5 6 7 4 2 8

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến thủy sản F17	Số 58B, Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Nhà máy Chế biến thủy sản F90	Số 01 Phước Long, Phường Phước Long, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Nhà hàng Nha Trang Seafood	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Vật tư thủy sản	Số 05 Sinh Trung, Phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng kinh doanh	Số 71 Phan Bội Châu, Phường Xương Huân, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Nhà máy Chế biến thủy sản F394	Số 01 đường Phước Long, Phường Phước Long, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Khai thác thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Khai thác thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán rượu, quầy bar);
- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm Báo cáo này (từ trang 08 đến trang 43).

Trong năm 2014, Công ty đã điều chỉnh tăng vốn chủ sở hữu từ 166.500.000.000 VND lên thành 188.000.000.000 VND từ nguồn quỹ đầu tư phát triển cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 12 năm 2012.

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 01 tháng 3 năm 2014, Công ty đã trích từ lợi nhuận sau thuế tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (1% lợi nhuận sau thuế) phải trả của các năm 2012, 2013, 2014 với số tiền 2.938.598.367 VND.

Ngoài ra, Công ty tạm trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế trong năm với số tiền 880.000.000 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch	27 tháng 3 năm 2007	-
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch	27 tháng 3 năm 2007	-
Ông Trần Thiện Tâm	Ủy viên	27 tháng 3 năm 2007	-
Bà Đào Thị Minh Hương	Ủy viên	27 tháng 3 năm 2007	-
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Ủy viên	01 tháng 3 năm 2014	-
Bà Nguyễn Thùy Liễu	Ủy viên	27 tháng 3 năm 2007	01 tháng 3 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Phi Thương	Trưởng ban	27 tháng 3 năm 2007	-
Ông Phạm Bảo Quốc	Thành viên	27 tháng 3 năm 2007	-
Bà Phạm Thị Ngọc Thảo	Thành viên	27 tháng 3 năm 2007	-

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	01 tháng 4 năm 2012	-
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	01 tháng 4 năm 2012	-
Ông Trần Thiện Tâm	Kế toán trưởng	01 tháng 4 năm 2012	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

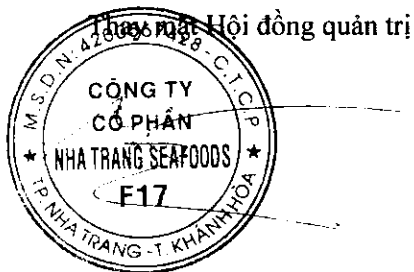
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 31 tháng 3 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 073/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17, được lập ngày 21 tháng 3 năm 2015, từ trang 08 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là cổ đông sáng lập đăng ký sở hữu 35% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 đã góp 10.500.000.000 VND bằng giá trị tài sản trên đất tại số 777, Đường Lê Hồng Phong, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã dừng hoạt động từ năm 2010. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty này.

Kiểm toán viên chưa được tiếp cận với các số liệu tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin cũng như các tài liệu khác liên quan đến việc giải thể Công ty này nên không có cơ sở để xem xét đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 (xem thuyết minh V.15 và VIII.4).

- Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 01 tháng 03 năm 2014 của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17, Đại hội cổ đông đã thống nhất tỷ lệ chi trả cổ tức các năm 2012, 2013, 2014 với tổng số tiền cổ tức còn phải trả là 163.025.006.000 VND (xem thuyết minh V.26). Công ty chưa hạch toán và chi trả số tiền cổ tức nêu trên cho các cổ đông vào Báo cáo tài chính đã lập.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Nguyễn Thị Lê Vy - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2195-2013-008-1

Nha Trang, ngày 31 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		959.741.720.851	759.713.975.447
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	310.262.614.701	165.937.942.044
1. Tiền	111		53.702.614.701	43.937.942.044
2. Các khoản tương đương tiền	112		256.560.000.000	122.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		501.944.391.979	397.586.072.984
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	433.724.500.694	321.271.279.081
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3.189.184.061	11.463.350.872
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	66.962.648.463	66.783.384.270
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(1.931.941.239)	(1.931.941.239)
IV. Hàng tồn kho	140		136.657.376.862	176.768.229.415
1. Hàng tồn kho	141	V.6	136.657.376.862	176.768.229.415
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.877.337.309	19.421.731.004
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	359.840.766	252.984.086
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.876.892.213	12.761.365.580
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	363.657.692	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	6.276.946.638	6.407.381.338

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		229.877.440.907	234.861.397.580
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.578.000	147.730.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.10	3.578.000	147.730.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		90.055.384.072	99.054.003.466
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	77.229.932.494	85.010.663.010
<i>Nguyên giá</i>	222		180.854.520.112	179.704.290.414
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(103.624.587.618)	(94.693.627.404)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	12.173.933.976	7.798.395.876
<i>Nguyên giá</i>	228		12.355.933.976	7.980.395.876
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(182.000.000)	(182.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	651.517.602	6.244.944.580
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		138.982.813.291	133.921.890.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	128.197.503.291	123.165.930.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	10.500.000.000	10.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	285.310.000	255.960.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		835.665.544	1.737.774.114
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	835.665.544	1.737.774.114
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.189.619.161.758	994.575.373.027

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		759.036.582.322	671.241.156.707
I. Nợ ngắn hạn	310		759.036.582.322	671.048.606.707
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	593.500.900.500	494.456.266.345
2. Phải trả người bán	312	V.19	121.825.664.977	138.914.047.503
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	2.105.475.235	5.432.646.719
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	19.398.977.209	15.449.640.709
5. Phải trả người lao động	315	V.22	13.951.892.060	4.587.918.309
6. Chi phí phải trả	316	V.23	3.155.056.305	3.266.478.246
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	4.232.773.367	1.401.448.157
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	865.842.669	7.540.160.719
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	192.550.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	192.550.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		430.582.579.436	323.334.216.320
I. Vốn chủ sở hữu	410		430.582.579.436	323.334.216.320
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	188.000.000.000	166.499.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	488.500.002	21.988.540.002
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	17.468.899.538	17.468.899.538
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	224.625.179.896	117.376.816.780
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.189.619.161.758	994.575.373.027

QUẢN LÝ
CHẾ ĐỘ
CƠ SỞ
KẾ TOÁN
TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

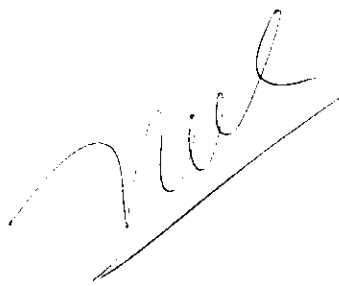
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.964.637.579	1.964.637.579
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		1.885.155,65	1.124.808,16
Euro (EUR)		241,60	341,69
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu



Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2015

Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiểm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

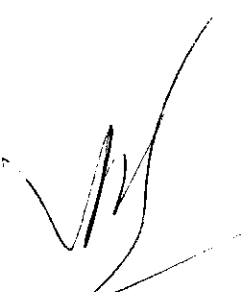
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.786.902.213.707	1.922.544.436.762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	16.600.673.928	7.973.605.512
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.770.301.539.779	1.914.570.831.250
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.511.797.847.988	1.700.030.119.607
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		258.503.691.791	214.540.711.643
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.261.803.546	14.093.920.478
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.674.656.654	29.545.838.400
Trong đó: chi phí lãi vay	23		20.650.742.234	21.134.845.968
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	75.168.553.977	74.064.600.945
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	27.368.086.597	21.484.996.193
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		141.554.198.109	103.539.196.583
11. Thu nhập khác	31	VI.7	587.100.807	392.207.613
12. Chi phí khác	32	VI.8	449.992.272	423.861.812
13. Lợi nhuận khác	40		137.108.535	(31.654.199)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		141.691.306.644	103.507.542.384
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	30.526.216.961	20.888.150.869
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>111.165.089.683</u>	<u>82.619.391.515</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-


Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu


Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2015
Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		141.691.306.644	103.507.542.384
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11	10.182.170.111	10.137.936.297
- Các khoản dự phòng	03	V.5	-	536.855.103
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(126.506.835)	(606.389.647)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.070.873.515)	(2.122.197.422)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	20.650.742.234	21.134.845.968
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		167.326.838.639	132.588.592.683
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(90.512.194.596)	(30.860.947.278)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	40.110.852.553	(137.372.792.942)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(11.863.181.818)	112.763.272.429
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7, 17	795.251.890	(263.501.255)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.23, VI.4	(20.469.552.200)	(20.817.467.077)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(26.552.129.796)	(2.212.423.758)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.25, 26	(7.652.446.250)	(5.330.790.599)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		51.183.438.422	48.493.942.203
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.009.261.241)	(8.078.193.917)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	440.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.16	(29.350.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	4.540.296.091	2.358.641.861
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.057.406.059)	(5.719.552.056)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	1.449.935.517.456	1.995.229.550.117
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(1.353.753.541.400)	(2.027.734.484.139)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		96.181.976.056	(32.504.934.022)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		144.308.008.419	10.269.456.125
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	165.937.942.044	155.659.064.137
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		16.664.238	9.421.782
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	310.262.614.701	165.937.942.044



Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu



Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2015

Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại, nhà hàng.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Sản xuất, gia công, lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh; Mua bán máy móc thiết bị và vật tư; Khai thác nước khoáng nóng.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 932 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 930 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và thực hiện việc ghi sổ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25
Máy móc và thiết bị	7 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất tại số 58B Đường 2/4, số 309 Đường 2/4, số 46 Nguyễn Thị Minh Khai không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất tại số 02-04 Bãi Dương được khấu hao theo thời gian giao đất (49 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí di dời, chi phí lập dự án,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Theo Nghị quyết đại hội cổ đông	10% vốn điều lệ
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	Theo Nghị quyết đại hội cổ đông	
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết đại hội cổ đông	

Tỷ lệ trích lập các quỹ còn được phê duyệt trong các Quyết định họp của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2013 :	21.085 VND/USD
	31/12/2014 :	21.380 VND/USD

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.720.620.976	13.110.624.077
Tiền gửi ngân hàng	51.981.993.725	30.827.317.967
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	256.560.000.000	122.000.000.000
Cộng	310.262.614.701	165.937.942.044

Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18).

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu bán hàng thủy sản xuất khẩu và ủy thác xuất khẩu	420.651.302.769	313.174.889.575
- Công ty Nha Trang Seafoods., Inc	-	118.156.004.502
- Công ty NTCT company, Inc	92.266.155.832	-
- Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood-F.89	192.421.287.717	-
- Công ty Cổ phần Thủy sản NT	8.096.600.014	-
- Các khách hàng khác	127.867.259.206	195.018.885.073
Phải thu bán hàng thủy sản bán nội địa và cung cấp dịch vụ	12.685.131.026	7.793.989.247
- Công ty Cổ phần Thủy sản NT	1.506.884.168	19.306.251
- Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	366.516.662	14.699.996
- Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood-F.89	1.678.270.024	95.499.995
- Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	2.139.078.023	386.258.835
- Các khách hàng khác	6.994.382.149	7.278.224.170
Phải thu khách hàng tại nhà hàng	388.066.899	302.400.259
Cộng	433.724.500.694	321.271.279.081

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Toàn bộ khoản phải thu khách hàng của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18).

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước về mua thành phẩm, hàng hóa, nguyên liệu và dịch vụ khác	2.094.770.941	11.455.118.872
- Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood-F.89	-	9.820.063.142
- Các nhà cung cấp khác	2.094.770.941	1.635.055.730
Ứng trước về đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định	1.094.413.120	8.232.000
Cộng	3.189.184.061	11.463.350.872

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức còn phải thu	65.992.846.000	65.992.846.000
- Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	43.890.607.000	43.890.607.000
- Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F.89	12.038.737.000	12.038.737.000
- Công ty Cổ phần Thủy Sản NT	10.063.502.000	10.063.502.000
Thanh toán BHXH Khánh Hòa	46.143.953	273.652.148
Thuế thu nhập cá nhân còn phải thu	144.408.000	144.408.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	735.105.668	361.597.222
Các khoản phải thu khác	44.144.842	10.880.900
Cộng	66.962.648.463	66.783.384.270

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Khoản dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.931.941.239	1.395.086.136
Trích lập dự phòng bổ sung	-	536.855.103
Số cuối năm	1.931.941.239	1.931.941.239

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.745.319.036	5.008.978.826
Công cụ, dụng cụ	759.240.023	218.481.224
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	2.189.324.208
Thành phẩm	130.900.604.950	169.110.362.580
Hàng hóa	252.212.853	241.082.577
Cộng	136.657.376.862	176.768.229.415

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	50.569.638	-
Thuê thu nhập cá nhân nộp thừa	313.088.054	-
Cộng	363.657.692	-

9. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho công nhân viên.

10. Phải thu dài hạn khác

Khoản tiền bán cổ phiếu trả chậm phải thu người lao động nghèo.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	48.783.447.864	114.174.962.335	16.384.802.014	361.078.201	179.704.290.414
Tăng trong năm	-	2.131.638.799	510.000.000	43.640.909	2.685.279.708
Mua trong năm	-	592.574.000	510.000.000	43.640.909	1.146.214.909
Đầu tư xây dựng hoàn thành	-	1.539.064.799	-	-	1.539.064.799
Thanh lý, nhượng bán	-	(410.000.000)	(1.125.050.010)	-	(1.535.050.010)
Số cuối năm	48.783.447.864	115.896.601.134	15.769.752.004	404.719.110	180.854.520.112
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	3.463.147.871	42.120.607.276	976.978.962	259.541.837	46.820.275.946
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.678.816.103	71.641.739.693	7.066.863.856	306.207.752	94.693.627.404
Khấu hao trong năm	2.000.825.457	6.563.429.730	1.573.159.241	44.755.683	10.182.170.111
Thanh lý, nhượng bán	-	(410.000.000)	(841.209.897)	-	(1.251.209.897)
Số cuối năm	17.679.641.560	77.795.169.423	7.798.813.200	350.963.435	103.624.587.618
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	33.104.631.761	42.533.222.642	9.317.938.158	54.870.449	85.010.663.010
Số cuối năm	31.103.806.304	38.101.431.711	7.970.938.804	53.755.675	77.229.932.494
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Toàn bộ tài sản cố định của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.798.395.876	182.000.000	7.980.395.876
Mua trong năm	4.375.538.100	-	4.375.538.100
Số cuối năm	12.173.933.976	182.000.000	12.355.933.976
Trong đó:			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	182.000.000	182.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	182.000.000	182.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	182.000.000	182.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.798.395.876	-	7.798.395.876
Số cuối năm	12.173.933.976	-	12.173.933.976

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách là 7.798.395.876 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển tăng khoản đầu tư vào Công ty con</u>	<u>Số cuối năm</u>
XDCB dở dang	6.244.944.580	977.211.112	(1.539.064.799)	(5.031.573.291)	651.517.602
- Dự án suối khoáng nóng Hòn Thơm	5.023.478.291	-	-	(5.023.478.291)	-
- Dự án suối khoáng nóng Khánh Vĩnh	231.467.600	-	-	-	231.467.600
- Công viên bờ biển	201.554.182	-	-	-	201.554.182
- Mỏ khoáng Ninh Hòa	8.095.000	-	-	(8.095.000)	-
- Hệ thống đổi gas thơm sang NH3	772.264.507	500.484.333	(1.272.748.840)	-	-
- Lô đất 02-04 Bãi Dương	8.085.000	210.410.820	-	-	218.495.820
- Hệ thống lạnh nhà máy F90	-	266.315.959	(266.315.959)	-	-
Cộng	6.244.944.580	977.211.112	(1.539.064.799)	(5.031.573.291)	651.517.602

14. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Thủy sản NT ^(a)	1.677.631	15.000.000.000	1.677.631	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ^(b)	8.040.488	72.094.580.000	8.040.488	72.094.580.000
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F.89 ^(c)	2.178.000	19.800.000.000	2.178.000	19.800.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ^(d)	2.130.292	21.302.923.291	1.627.135	16.271.350.000
Cộng		128.197.503.291		123.165.930.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700527019 ngày 14 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NT 15.000.000.000 VND, tương đương 98,68% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ cam kết. Công ty dùng toàn bộ số cổ phần này để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18).
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800648867 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF 66.000.000.000 VND, tương đương 22% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 72.094.580.000 VND, tương đương với 26,80% vốn điều lệ. Mặt khác, Ông Ngô Văn Ích, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 đang sở hữu 46,68% vốn thực tế đã góp và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF. Do đó Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 nắm quyền kiểm soát và chi phối các hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF. Công ty dùng toàn bộ số cổ phần này để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18).
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1900351972 ngày 29 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F.89 là 21.780.000.000 VND, tương đương 99% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn điều lệ cam kết.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4201112127 ngày 10 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, thay đổi lần thứ 06 ngày 15 tháng 4 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 220.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 21.302.923.291 VND, tương đương 9,68% vốn điều lệ và chiếm 21,97% vốn thực tế đã góp, Công ty chưa đầu tư đủ số vốn điều lệ cam kết. Mặt khác, Ông Ngô Văn Ích, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 đang sở hữu 76,89% vốn thực tế đã góp và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17. Do đó Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F17 nắm quyền kiểm soát và chi phối các hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200856236 ngày 04 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin 21.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.500.000.000 VND, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã ngưng hoạt động. Công ty có thể gánh chịu một phần chi phí từ việc chia lỗ khoản đầu tư này. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty chưa dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin do các bên góp vốn chưa thỏa thuận được chi phí phân chia.

16. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (CTG). Số cuối năm là 23.902 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND (số đầu năm là 20.967 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 255.960.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ	758.975.846	511.295.181	(895.252.808)	375.018.219
Chi phí bảo hiểm	225.445.817	513.010.689	(570.241.929)	168.214.577
Chi phí khác	753.352.451	38.311.000	(499.230.703)	292.432.748
Cộng	1.737.774.114	1.062.616.870	(1.964.725.440)	835.665.544

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	593.500.900.500	474.515.837.585
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	260.303.061.375	171.220.700.330
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	333.197.839.125	303.295.137.255
Vay ngắn hạn cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	19.940.428.760
Cộng	593.500.900.500	494.456.266.345

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh chế biến thủy hải sản. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 58B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39), toàn bộ quyền sử dụng đất tại 309 Đường 2/4 - Vĩnh Phước, toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính 56B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 58), Nhà hàng Seafoods số 46 Nguyễn Thị Minh Khai- Lộc Thọ, Phân xưởng 99 Trần Quý Cáp - Phương Sài, Nhà số 71 Phan Bội Châu- Xương Huân, Phân xưởng 310 Đường 2/4- Vĩnh Phước, Nhà số 05 Sinh Trung - Vạn Thạnh. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải, hàng tồn kho để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (iii) Khoản vay của một số cá nhân mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay không quá 150% lãi suất Ngân hàng Nhà Nước công bố, thời hạn vay dưới 01 năm. Khoản vay này không có tài sản thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn trong năm như sau:**

	Vay ngắn hạn		
	ngân hàng	Vay cá nhân	Cộng
Số đầu năm	474.515.837.585	19.940.428.760	494.456.266.345
Số tiền vay phát sinh trong năm	1.449.935.517.456	-	1.449.935.517.456
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.333.813.112.640)	(19.940.428.760)	(1.353.753.541.400)
Đánh giá lại số dư cuối năm	2.862.658.099	-	2.862.658.099
Số cuối năm	593.500.900.500	-	593.500.900.500

19. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về mua thành phẩm, hàng hóa, nguyên liệu và dịch vụ khác	121.825.664.977	138.489.931.503
- Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood-F.89	77.758.357.667	72.209.314.123
- Công ty Cổ phần Thủy sản NT	10.886.919.207	46.269.375.043
- Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	20.677.707.518	111.600.000
- Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	5.484.000	221.887.000
- Các nhà cung cấp khác	12.497.196.585	19.677.755.337
Phải trả về đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định	-	424.116.000
Cộng	121.825.664.977	138.914.047.503

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước tiền mua hàng thủy sản xuất khẩu	2.104.514.065	5.403.973.332
Trả trước tiền gia công	810.894	13.373.387
Trả trước của khách hàng tại nhà hàng	150.276	15.300.000
Cộng	2.105.475.235	5.432.646.719

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	279.196.611	(279.196.611)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.015.453.869	(5.066.023.507)	(50.569.638)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.127.781.320	30.526.216.961	(26.552.129.796)	19.101.868.485
Thuế thu nhập cá nhân	24.636.665	944.282.075	(1.282.006.794)	(313.088.054)
Thuế tài nguyên	3.715.200	65.222.800	(65.336.800)	3.601.200
Tiền thuế đất	-	2.344.572.077	(2.344.572.077)	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	293.507.524	-	-	293.507.524
Cộng	15.449.640.709	39.180.944.393	(35.595.265.585)	19.035.319.517

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh V.8).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thủy, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy, hải sản bán nội địa (tùy từng mặt hàng)	5%, 10%
Cho thuê kho, bán vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với doanh nghiệp thành lập mới do cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước với các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là 100 người.
- Sản phẩm của Công ty có mức xuất khẩu đạt giá trị trên 50% tổng giá trị hàng hoá sản xuất, kinh doanh của dự án trong năm tài chính.

Với các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ như sau:

- Thuế suất áp dụng:
 - + Thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm kể từ khi chuyển sang hoạt động với loại hình Công ty cổ phần từ các hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi;
 - + Thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế từ các hoạt động kinh doanh khác.

Năm 2013 là năm thứ mười Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2014, thu nhập từ các hoạt động phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	141.691.306.644	103.507.542.384
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	730.675.779	164.965.097
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.666.450.782)	(599.762.111)
Thu nhập tính thuế	138.755.531.641	103.072.745.370
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	30.526.216.961	25.768.186.343
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	(5.083.439.940)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	30.526.216.961	20.684.746.403
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	203.404.466
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	30.526.216.961	20.888.150.869

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế tài nguyênCông ty phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 4.000 VND/m³ với mức thuế suất 5%.**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả người lao động cuối năm. Chi tiết tiền lương còn phải trả cuối năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	4.168.932.773	1.173.695.707
Nhà máy F17	6.134.391.975	2.205.345.566
Nhà máy F90	3.174.935.633	1.071.688.298
Nhà hàng Nha Trang Seafood	473.631.679	137.188.738
Cộng	13.951.892.060	4.587.918.309

23. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.140.201.500	959.011.466
Chi phí hoa hồng môi giới	1.354.838.577	1.868.900.391
Chi phí điện nước, vận chuyển...	660.016.228	438.566.389
Cộng	3.155.056.305	3.266.478.246

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải trả	2.938.598.367	-
Kinh phí công đoàn	617.549.495	729.145.805
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	220.283.475	220.283.475
Quỹ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp	441.888.093	441.888.093
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.453.937	10.130.784
Cộng	4.232.773.367	1.401.448.157

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	7.230.641.410	-	(6.661.996.000)	568.645.410
Quỹ phúc lợi	309.519.309	880.000.000	(892.322.050)	297.197.259
Cộng	7.540.160.719	880.000.000	(7.554.318.050)	865.842.669

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	188.000.000.000
Vốn điều lệ đã đầu tư của chủ sở hữu	188.000.000.000
Vốn điều lệ còn phải đầu tư	-

Cổ tức

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 01 tháng 03 năm 2014, Đại hội cổ đông đã thống nhất tỷ lệ chi trả cổ tức của các năm như sau:

	Số cổ tức phải trả (VND)	Số cổ tức đã chi trả trong năm 2012 (VND)	Số cổ tức còn phải trả (VND)
- Cổ tức năm 2012 (30% vốn chủ sở hữu)	56.400.000.000	24.974.994.000	31.425.006.000
- Cổ tức năm 2013 (40% vốn chủ sở hữu)	75.200.000.000	-	75.200.000.000
Cổ tức năm 2014 (30% vốn chủ sở hữu)	56.400.000.000	-	56.400.000.000
Cộng	188.000.000.000	24.974.994.000	163.025.006.000

Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa hạch toán cổ tức còn phải trả và chi trả cho các cổ đông như công bố.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.800.000	18.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18.800.000	16.649.996
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.800.000	16.649.996

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.786.902.213.707	1.922.544.436.762
- Doanh thu hàng thủy sản	1.760.329.313.623	1.904.031.039.396
- Doanh thu dịch vụ nhà hàng	17.157.333.734	14.240.273.301
- Doanh thu cung cấp hàng hóa, vật tư	673.679.016	804.219.006
- Doanh thu hoạt động khác	8.741.887.334	3.468.905.059
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(16.600.673.928)	(7.973.605.512)
- Giảm giá hàng bán	(1.966.445.280)	-
- Hàng bán bị trả lại	(14.634.228.648)	(7.973.605.512)
Doanh thu thuần	1.770.301.539.779	1.914.570.831.250
Trong đó:		
- Doanh thu thuần hàng thủy sản	1.743.728.639.695	1.896.057.433.884
- Doanh thu thuần dịch vụ nhà hàng	17.157.333.734	14.240.273.301
- Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, vật tư	673.679.016	804.219.006
- Doanh thu thuần hoạt động khác	8.741.887.334	3.468.905.059

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng thủy sản	1.497.475.624.693	1.688.736.521.300
Giá vốn của dịch vụ nhà hàng	9.548.194.126	8.424.318.588
Giá vốn của hàng hóa, vật tư	315.880.061	680.203.140
Giá vốn của hoạt động khác	4.458.149.108	2.189.076.579
Cộng	1.511.797.847.988	1.700.030.119.607

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.856.347.337	2.121.711.305
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	72.696.281	113.140.837
Lãi đầu tư cổ phiếu	57.457.200	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.148.795.893	11.252.678.689
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	126.506.835	606.389.647
Cộng	10.261.803.546	14.093.920.478

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	20.650.742.234	21.134.845.968
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.023.914.420	8.410.992.432
Cộng	24.674.656.654	29.545.838.400

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.605.693.375	7.102.633.782
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	791.255.563	949.164.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.285.294.039	1.259.671.439
Phí ngân hàng	2.168.285.814	1.785.814.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.347.828.005	50.886.082.884
Chi phí bằng tiền khác	8.970.197.181	12.081.234.228
Cộng	75.168.553.977	74.064.600.945

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.907.519.748	8.352.385.623
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	418.525.487	177.819.415
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.239.951.639	1.193.240.529
Thuế, phí và lệ phí	2.730.341.768	3.655.325.983
Chi phí dự phòng	-	536.855.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	274.575.992	276.931.437
Chi phí bằng tiền khác	11.797.171.963	7.292.438.103
Cộng	27.368.086.597	21.484.996.193

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Nhượng bán tài sản cố định	440.909.091	280.000.000
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	18.181.818
Thu tiền hỗ trợ trưng bày sản phẩm	50.000.000	50.000.000
Các khoản thu nhập khác	96.191.716	44.025.795
Cộng	587.100.807	392.207.613

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản nhượng bán	283.840.113	279.513.883
Các khoản nộp phạt, truy thu thuế, nộp phạt vi phạm hành chính	135.556.159	143.118.953
Chi phí khác	30.596.000	1.228.976
Cộng	449.992.272	423.861.812

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.209.321.101.447	1.260.059.401.237
Chi phí nhân công	106.860.103.540	84.753.200.890
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.182.170.111	10.137.936.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.555.960.525	60.408.972.924
Chi phí khác	42.769.218.137	23.310.241.305
Cộng	1.439.688.553.760	1.438.669.752.653

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn bằng tài sản vào Công ty con	5.031.573.291	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc		
Tiền lương và tiền thưởng	2.249.103.000	2.232.442.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Công ty con (xem thuyết minh số V.14)
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	Công ty con (xem thuyết minh số V.14)
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood-F.89	Công ty con (xem thuyết minh số V.14)
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	Công ty con (xem thuyết minh số V.14)
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	Công ty con (xem thuyết minh số V.14)
Công ty Nha Trang Seafoods., Inc	Công ty tại Mỹ có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty NTCT company, Inc	Công ty tại Mỹ có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - Cần Thơ	Bà Đào Thị Minh Hương (Chủ tịch Hội đồng quản trị) là thành viên Hội đồng quản trị của F17

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Thủy sản NT</i>		
- Mua hàng nội địa	3.213.192.443	61.650.872.099
- Doanh thu ủy thác xuất khẩu	203.815.042	388.700.560
- Doanh thu vận chuyển	-	17.551.137
- Hàng nhận ủy thác xuất khẩu	22.655.624.898	48.317.840.900
- Doanh thu bán hàng, vật tư	1.714.229.574	110.888.507
- Phí thuê container ủy thác xuất khẩu	-	1.008.496.600
- Ứng tiền ủy thác xuất khẩu	46.120.805.000	-
- Thu lại tiền vận chuyển quốc tế	265.081.773	-
- Thu lại tiền vận chuyển xà lan F17 đã thanh toán	25.728.192	-
- Doanh thu xuất hàng ủy thác	8.195.799.778	-
- Phí vận chuyển quốc tế, ủy thác xuất khẩu	227.124.870	-
<i>Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF</i>		
- Chi tạm ứng tiền hàng	60.879.716.122	141.020.557.500
- Doanh thu bán hàng, bán vật tư	4.691.806.512	66.533.104
- Mua thành phẩm	48.488.622.574	301.121.428
- Doanh thu vận chuyển	-	7.272.724
- Doanh thu nhà hàng	-	20.543.864
- Chi phí gia công	1.079.568.000	-
- Chi phí ủy thác xuất khẩu, phí vận chuyển hàng ủy thác xuất khẩu	11.760.052	-
- Phí vận chuyển quốc tế đã chi hộ	1.138.699.579	-
- Phí vận chuyển quốc tế ủy thác xuất khẩu hàng trả về	15.971.250	-
- Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	892.941.084	-
- Hàng ủy thác xuất khẩu	71.295.160.559	-
- Thu lại tiền vận chuyển xà lan F17 đã thanh toán	214.973.412	-
<i>Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood-F.89</i>		
- Ứng tiền hàng ủy thác	186.062.700.000	104.288.225.000
- Nhập mua thành phẩm	83.321.083.250	410.731.058.493
- Hàng ủy thác xuất khẩu	195.805.314.023	175.041.943.531
- Giảm phí thuê vận chuyển, ủy thác xuất khẩu	3.688.486.970	3.043.679.380
- Doanh thu vận chuyển, cho thuê nhân công	1.525.700.022	86.818.177
- Doanh thu bán hàng	98.454.804	221.777.013
- Doanh thu ủy thác xuất khẩu	1.132.513.670	948.001.829
- Doanh thu xuất hàng ủy thác	491.146.366.679	-
- Phí vận chuyển quốc tế, ủy thác xuất khẩu	14.694.115.645	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17</i>		
- Doanh thu bán hàng, ăn uống tại nhà hàng	-	14.781.818
- Doanh thu bán vật tư, nước đá, vận chuyển	-	56.036.359
- Doanh thu bán hàng thủy sản	2.672.263.859	749.669.372
- Doanh thu thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ		301.921.818
- Mua sản phẩm và sử dụng dịch vụ	1.045.403.619	26.973.456
- Góp vốn bằng tài sản	5.031.573.291	-
<i>Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF</i>		
Doanh thu bán hàng	16.800.000	-
<i>Công ty Nha Trang Seafoods., Inc</i>		
- Xuất khẩu thủy sản	172.814.514.910	800.752.631.500
- Hàng ủy thác xuất khẩu	54.055.977.804	89.475.222.898
- Phí thanh toán quốc tế	3.871.557	-
- Giảm giá hàng bán	1.966.445.280	-
- Hàng bán bị trả lại	10.617.289.920	-
<i>Công ty NTCT Company., Inc</i>		
- Xuất khẩu thủy sản	145.611.060.415	-
- Hàng ủy thác xuất khẩu	6.064.141.675	-
- Phí thanh toán quốc tế	3.433.880	-
<i>Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - Cần Thơ</i>		
- Chi phí gia công tôm	16.698.728.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Thủy sản NT</i>	19.666.986.182	10.082.808.251
- Phải thu tiền cổ tức được chia (xem thuyết minh số V.4)	10.063.502.000	10.063.502.000
- Phải thu tiền ủy thác xuất khẩu và bán thành phẩm (xem thuyết minh số V.2)	9.603.484.182	19.306.251
<i>Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF</i>	44.257.123.662	43.905.306.996
- Phải thu tiền bán thành phẩm, cước vận chuyển (xem thuyết minh số V.2)	366.516.662	14.699.996
- Phải thu tiền cổ tức được chia (xem thuyết minh số V.4)	43.890.607.000	43.890.607.000
<i>Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood-F.89</i>	206.138.294.741	21.954.300.137
- Phải thu tiền cổ tức được chia (xem thuyết minh số V.4)	12.038.737.000	12.038.737.000
- Phải thu tiền ủy thác xuất khẩu và bán thành phẩm (xem thuyết minh số V.2)	194.099.557.741	95.499.995
- Ứng trước tiền mua thành phẩm (xem thuyết minh số V.3)	-	9.820.063.142

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	2.139.078.023	386.258.835
- Phải thu tiền thanh lý nồi hơi (xem thuyết minh số V.2)	-	308.000.000
- Phải thu tiền bán thủy sản và cung cấp dịch vụ (xem thuyết minh số V.2)	112.724.023	80.095.335
- Phải thu tiền gia công cơ khí (xem thuyết minh số V.2)	2.026.354.000	-
Công ty Nha Trang Seafoods., Inc	-	118.156.004.502
- Phải thu tiền bán thủy sản (xem thuyết minh số V.2)	-	118.156.004.502
Công ty NTCT Company, Inc	92.266.155.832	-
- Phải thu tiền bán thủy sản (xem thuyết minh số V.2)	92.266.155.832	-
Cộng nợ phải thu	364.467.638.440	194.484.678.721
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	10.886.919.207	46.269.375.043
- Phải trả tiền mua hàng, nhận ủy thác xuất khẩu (xem thuyết minh số V.19)	10.886.919.207	46.269.375.043
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood-F.89	77.758.357.667	72.209.314.123
- Phải trả tiền mua hàng, phí ủy thác (xem thuyết minh số V.19)	77.758.357.667	72.209.314.123
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	20.677.707.518	111.600.000
- Phải trả tiền mua nguyên vật liệu (xem thuyết minh số V.19)	20.677.707.518	111.600.000
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	5.484.000	221.887.000
- Phải trả tiền sử dụng dịch vụ bùn khoáng và tiếp khách (xem thuyết minh số V.19)	5.484.000	219.703.000
- Phải trả tiền mua hàng hóa (xem thuyết minh số V.19)	-	2.184.000
Cộng nợ phải trả	109.328.468.392	118.812.176.166

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

2. Quản lý rủi ro tài chính**Tổng quan**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	310.262.614.701	-	-	310.262.614.701
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	285.310.000	-	-	285.310.000
Phải thu khách hàng	431.930.111.049	4.872.636	1.789.517.009	433.724.500.694
Các khoản phải thu khác	66.962.648.463	-	-	66.962.648.463
Cộng	809.440.684.213	4.872.636	1.789.517.009	811.235.073.858
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	165.937.942.044	-	-	165.937.942.044
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	255.960.000	-	-	255.960.000
Phải thu khách hàng	319.473.746.936	8.015.136	1.789.517.009	321.271.279.081
Các khoản phải thu khác	66.783.384.270	-	-	66.783.384.270
Cộng	552.451.033.250	8.015.136	1.789.517.009	554.248.565.395

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	594.641.102.000	-	594.641.102.000
Phải trả người bán	121.825.664.977	-	121.825.664.977
Các khoản phải trả khác	5.630.078.677	-	5.630.078.677
Cộng	722.096.845.654	-	722.096.845.654
Số đầu năm			
Vay và nợ	495.415.277.811	-	495.415.277.811
Phải trả người bán	138.914.047.503	-	138.914.047.503
Các khoản phải trả khác	2.979.769.132	192.550.000	3.172.319.132
Cộng	637.309.094.446	192.550.000	637.501.644.446

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.885.155,65	241,60	1.124.808,16	341,69
Phải thu khách hàng	19.685.813,66	-	13.522.867,63	-
Vay và nợ	(27.766.124,00)	-	(22.504.901,00)	-
Phải trả người bán	(4.544.891,32)	-	(5.318.479,39)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(10.740.046,01)	241,60	(13.175.704,60)	341,69

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 3.582.106.066 VND (năm trước giảm/tăng 4.167.145.972 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay tăng/giảm so với năm trước do số dư nợ vay gốc USD tăng mạnh so với năm trước.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền và kỳ hạn gửi thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	-	(27.766.124,00)	(19.940.428.760)	(22.504.901,00)
(Nợ phải trả) thuần	-	(27.766.124,00)	(19.940.428.760)	(22.504.901,00)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 0 VND (năm trước giảm/tăng 299.106.431 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng/giảm so với năm trước do sự tăng lên/giảm xuống của khoản vay có lãi suất thả nổi vì số dư nợ vay bằng VND tăng lên đáng kể.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 4.630.389.903 VND (năm trước giảm/tăng 3.558.868.782 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng/giảm so với năm trước do sự tăng lên/giảm xuống của khoản vay có lãi suất thả nổi vì số dư nợ vay bằng USD tăng lên đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	308.541.993.725	152.827.317.967
Phải thu khách hàng	433.724.500.694	321.271.279.081
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	285.310.000	255.960.000
Cộng	742.551.804.419	474.354.557.048

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	310.262.614.701	-	165.937.942.044	-	310.262.614.701	165.937.942.044
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	285.310.000	-	255.960.000	-	285.310.000	255.960.000
Phải thu khách hàng	433.724.500.694	(1.789.517.009)	321.271.279.081	(1.789.517.009)	431.934.983.685	319.481.762.072
Các khoản phải thu khác	66.962.648.463	-	66.783.384.270	-	66.962.648.463	66.783.384.270
Cộng	811.235.073.858	(1.789.517.009)	554.248.565.395	(1.789.517.009)	809.445.556.849	552.459.048.386

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	593.500.900.500	494.456.266.345	593.500.900.500	494.456.266.345
Phải trả người bán	121.825.664.977	138.914.047.503	121.825.664.977	138.914.047.503
Các khoản phải trả khác	6.770.280.177	4.131.330.598	6.770.280.177	4.131.330.598
Cộng	722.096.845.654	637.501.644.446	722.096.845.654	637.501.644.446

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

4. Thông tin khác

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200856236 ngày 04 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin 21.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.500.000.000 VND, tương đương 17,5% vốn điều lệ. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin đã ngưng hoạt động. Công ty có thể phải gánh chịu một phần lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư theo tỷ lệ vốn điều lệ cam kết.

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu

Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng

Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

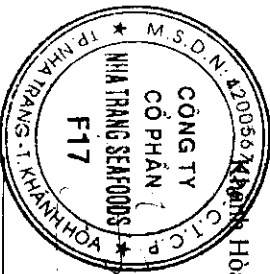
Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

PHỤ LỤC 1

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	166.499.960.000	21.988.540.002	17.468.899.538	35.553.250.360	241.510.649.900
Lãi trong năm trước	-	-	-	82.619.391.515	82.619.391.515
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	(795.825.095)	(795.825.095)
Số dư cuối năm trước	166.499.960.000	21.988.540.002	17.468.899.538	117.376.816.780	323.334.216.320
Số dư đầu năm nay	166.499.960.000	21.988.540.002	17.468.899.538	117.376.816.780	323.334.216.320
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	21.500.040.000	(21.500.040.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	111.165.089.683	111.165.089.683
Trích quỹ phúc lợi trong năm nay	-	-	-	(880.000.000)	(880.000.000)
Chi khác	-	-	-	(98.128.200)	(98.128.200)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012, 2013, 2014	-	-	-	(2.938.598.367)	(2.938.598.367)
Số dư cuối năm nay	188.000.000.000	488.500.002	17.468.899.538	224.625.179.896	430.582.579.436

Khoảng Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Dân Tiến
Người lập biểu

Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng

Ngô Văn Ích
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Kiểm Giám đốc